

Estella Family	Estella DR, Estella DR-T	Estella SR, Estella SR-T
MR conditional (tương thích MRI với điều kiện)		
ProMRI	MR conditional khi được cấy với các dây điện cực MR conditional của Biotronik	
Phương thức tạo nhịp MRI	DOO, VOO, AOO, Off	VOO, AOO, Off
Thông số tạo nhịp		
Mã số NBG	DDDR	VVIR/AAIR
Phương thức	DDDR, DDD, DD(R)-ADI(R), DDI(R), DVI(R), DDT, DOO(R), VDD(R), VDI(R), VVI(R), VVT(R), VOO(R), AAIR(R), AAT(R), AOO(R), OFF	VVIR, VVI, VVT(R), VOO(R), AAIR, AAI, AAT(R), AOO(R), OFF
Nhịp cơ bản	30 ... (1) ... 60 ... (1) ... 88 ... (2) ... 122 ... (3) ... 140 ... (5) ... 200 ppm	
Nhịp đêm	Off , on(30 ... (1) ... 60 ... (1) 88 ... (2) ... 122 ... (3) ... 140 ... (5) ... 200 ppm)	
Nhịp với hiện tượng trễ	off : -5 ... (-5) ... - 90 ppm	
Nhịp với hiện tượng trễ lặp lại	off : 1 ... (1) ... 15 cycles	
Nhịp với hiện tượng trễ quét	off : 1 ... (1) ... 15 cycles	
Độ nhạy (nhĩ/thất)	Auto , 0.1 ... (0.1) ... 1.5 ... (0.5) ... 7.5 mV	
Biên độ xung (nhĩ/thất)	0.2 ... (0.1) ... 3.6 ... (0.1) ... 4.8 ... (0.6) ... 7.5 V	
Độ rộng xung (nhĩ/thất)	0.1, 0.2, 0.3, 0.4 , 0.5, 0.75, 1.0, 1.25, 1.5 ms	
Điều chỉnh biên độ nhĩ	Off, ON , ATM (monitoring only)	
Biên độ tối thiểu	0.5 ... (0.1) ... 1.0 , ... (0.1) ... 4.8 V	
Biên độ bắt đầu	2.4, 3.0 , 3.6, 4.2, 4.8 V	
Mức an toàn	0.5 ... (0.1) ... 1.0 ... (0.1) ... 1.2V	
Thời gian tìm	interval (0.1, 0.2; 1, 2, 6, 12, 24 h); time of day 02:00 (00:00 ... (00:10) ... 23:50 hh:mm)	
Điều chỉnh biên độ thất	Off, ON , ATM (monitoring only)	
Biên độ tối thiểu	0.7 V	
Biên độ bắt đầu	2.4, 3.0 , 3.6, 4.2, 4.8 V	
Mức an toàn	0.3 ... (0.1) ... 0.5 ... (0.1) ... 1.2V	
Thời gian kiểm soát	interval (0.1, 0.2; 1, 2, 6, 12, 24 h); time of day 02:00 (00:00 ... (00:10) ... 23:50 hh:mm)	
Khởi động tự động	ON	
Dây điện cực	IS-1 connector	
kiểm tra tự động dây điện cực (A/V)	ON	
Cấu hình dây điện cực (A/V)	unipolar , bipolar (automatically configured)	
Thời gian trơ (nhĩ)	Auto; 0.1 ... (0.1) ... 1.5 ... (0.5) ... 7.5 mV	
(thất)	200 ... (25) ... 250 ... (25) ... 500 ms	
PVARP	Auto , 175 ... (5) ... 250 ... (5) ... 600 ms	
PVARP sau PVC	PVARP + 150 ms (max 600 ms) automatically adjusted	
Thời gian lờ nhĩ sau Vp	30 ... (5) ... 70 ms	
Tránh viễn trường sau Vs	100 ... (10) ... 220 ms	
sau Vp	100 ... (10) ... 150 ... (10) ... 220 ms	
Thời gian nhĩ-thất	15 ... (5) ... 180 ... (5) ... 350 ms, (up to 450 ms with AV hysteresis)	
Thời gian nhĩ-thất năng động	off, low , medium, high, fixed, individual (programmable in 5 rate ranges)	
Nhận cảm bù trừ	off, -15, ... (-15) ... -45 ... -120 ms	
Hiện tượng trễ thời gian nhĩ-thất	off , IRS, negative, low, medium, high	
HTT TG NT lặp lại	off , 1 ... (1) ... 5 ... (1) ... 10 cycles	
HTT TG NT quét	off , 1 ... (1) ... 5 ... (1) ... 10 cycles	
Vp Suppression	available in the modes DDDR-ADIR and DDD-ADI	
ngưng tạo nhịp	1 ... (1) ... 6 ... (1) ... 8 consecutive Vs	
tạo nhịp trở lại	1, 2, 3, 4 out of 8 cycles without Vs	
Mode switching (đối phương cách) với tiêu chuẩn X/Z trên 8	Off, ON	
Nhịp can thiệp	100 ... (10) ... 160 ... (10) ... 250 ppm	
Tiêu chuẩn x trên 8 (đối vò)	3 ... (1) ... 5 ... (1) ... 8	
Tiêu chuẩn z trên 8 (đối ra)	3 ... (1) ... 5 ... (1) ... 8	
nhịp thay đổi	OFF, +5, +10 ... (5) ... +30 ppm	
San bằng nhịp	OFF , ON	
2:1 lock-in protection	OFF, ON	
Tạo nhịp nhĩ cao hơn	OFF , ON	
NIPS	burst stimulation; programmed stimulation	
Nhịp tối đa : Nhĩ	OFF, 240 ppm	
Thất	90 ... (10) ... 130 ... (10) ... 200 ppm	
Phương cách chống nhịp nhanh	2:1, WKB	
Điện tâm đồ tĩnh mạch	12 recordings, max 10 seconds each, 4 triggers	
ghi đoạn trước	0, 25, 50, 75 , 100%	
Phòng PMT (nhịp nhanh do máy)	off, on (tiêu chuẩn VA 250 ... (10) ... 350 ... (10) ... 500 ms)	
Bộ phận nhảy	accelerometer	

Nhịp gắng sức tối đa	80 ... (5) ... 120 ... (5) ... 180 ppm	
Khuếch đại bộ phận nhảy	1 ... 4... 23 in 27 increments (auto gain, OFF, ON)	
Ngưỡng bộ phận nhảy	very low, low, medium, high, very high	
Tăng nhịp	1 ... 4 ... 10 ppm/cycle	
Hạ nhịp	0.1, 0.2, 0.5 , 1.0 pm	
San bằng nhịp (rate fading/smoothing)	OFF , ON	
Tối ưu hóa bộ phận nhảy	original, preview	
Hiện tượng nam châm	AUTO (10 cycles with 90 ppm asynchronous, then basic rate synchronous), asynchronous, synchronous	
Dấu hiệu thay máy	programmed rate minus 11% (in DDD(R))	programmed rate minus 11%
Pin	DR-T, SR-T: QMR (open loop circuit voltage 3,0V), Li-MnO2 (open circuit voltage 3,1V) DR, SR: LiJ (open circuit voltage: 2.8V)	
Thời gian hoạt động	DR-T: 11.8 yrs (at A/V: 2.5V, 0.4ms, 60 ppm, 500 Ohms, 50% pacing, Home Monitoring ON) DR: 12.1 yrs (at A/V: 2.5V, 0.4 ms, 60 ppm, 500 Ohms, 50% pacing)	SR-T: > 15 yrs (at 2.5V, 0.4 ms, 60 ppm, 500 Ohms, 50% pacing, Home Monitoring ON) SR: > 15 yrs (at 2.5V, 0.4 ms, 60 ppm, 500 Ohms, 50% pacing)
Hộp		
Kích thước và trọng lượng	DR-T: 53x44.5x6.5 mm/25g; DR: 53x43x6.5 mm/ 26g	SR-T: 53x39x6.5 mm/ 24 g SR: 53x39x6.5 mm/25 g
Dung tích	DR-T: 12 cc; DR: 11 cc	
Diện tích dẫn điện	DR-T: 11 cc; SR: 10 cc	
không bọc	33 cm2	
với bọc	7 cm2	
Dấu trên x-quang	SF	

Theo dõi từ nhà (Home Monitoring)	Estella DR-T, Estella SR-T	
Home Monitoring - Theo dõi từ nhà	OFF ; ON	
Giờ liên lạc để gửi số liệu	AUTO; 00:00 ... (00:30) ... 23:30 hh:mm	
Gửi điện tim	OFF, 30, 60, 90, 120, 180 days	
Nhịp nhĩ cao (DR-T)	OFF; mode switching; AT	
Đoạn nhịp nhĩ cao (DR-T)	6h; 12 h; 18h	
Đoạn nhịp tim cao	OFF; ON	
Số liệu được gửi đi		
Số liệu lâm sàng	atrial/ventricular thresholds, atrial/ventricular sensing amplitudes, pacing statistics, atrial/ventricular arrhythmia statistics, Heart Failure Monitor diagnostics	
Số liệu máy	battery status, lead integrity measurements, programmed parameters	
IEGM Online HD		
điện tim theo định kỳ	sequence of 10 sec native settings, 10 sec encouraged sensing and 10 sec encourage pacing	
Sự kiện		
Khi cấy máy	battery status, programmer triggered message received	
Dây điện cực	pacing impedance (A,V), lead check (A,V), sensing amplitude (A,V), pacing threshold (A,V), capture control status (A,V)	
Nhịp chậm (Bradycardia)	ventricular pacing percentage	
Loạn nhịp	DR-T: number/duration of atrial arrhythmia, number/duration of mode switching, long ongoing atrial arrhythmia detected; DR-T/SR-T: number/duration of ventricular arrhythmia	
Theo dõi suy tim (Heart Failure monitor)	mean heart rate; DR-T: atrial burden, mean VES/h	
Thế loại báo cáo		
Báo cáo	trend message based on intelligent message bundling, event message triggered daily after clinical or technical events, test message triggered manually via programmer	